

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST  
Ngày: 02- 02-2018  
V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Út**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Hải**
2. Bà **Trịnh Thị Kim Quyên**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Võ Thị Lệ Trinh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278, 279, 280, 281, 282, 283 và 284/2017/TLST-DS cùng ngày 13 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định nhập vụ án số: 08/2017/QĐST-DS ngày 13/11/2017 về “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

- 1.1. Bà **Đặng Thị N**, sinh năm: 1958 (có mặt).
- 1.2. Bà **Trương Thị Đ**, sinh năm: 1962 (có mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An.
- 1.3. Bà **Dương Thị Ngọc H**, sinh năm: 1985 (có mặt).
- 1.4. Bà **Phan Thị Ánh H**, sinh năm: 1984 (có mặt).
- 1.5. Bà **Dương Thị T**, sinh năm: 1967 (có mặt).
- 1.6. Bà **Dương Thị B**, sinh năm: 1966 (có mặt).
- 1.7. Bà **Trần Lệ T**, sinh năm: 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:*

2.1. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

2.2. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề cùng ngày 14/8/2017 của các nguyên đơn bà Đặng Thị N, bà Dương Thị Ngọc H, bà Phan Thị Ánh H; Đơn khởi kiện đề cùng ngày 15/8/2017 của bà Dương Thị T, bà Dương Thị B; Đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2017 của bà Trương Thị Đ; Đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2017 của bà Trần Lê T và bản tự khai của các nguyên đơn đề cùng ngày 20/12/2017 cũng như tại phiên tòa các nguyên đơn trình bày: Do có quen biết nhau, bà Nguyễn Thị S có rủ các nguyên đơn và các nguyên đơn có tham gia các dây hụi do bà S làm chủ hụi như sau:

\* Bà Đặng Thị N có tham gia 02 dây hụi:

1. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 19/6/2013 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 32 phần, bà vào 01 phần, đóng đúp 01 lần cho bà S số tiền là 20.800.000đồng.

2. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 28/12/2013 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 31 phần, bà vào 01 phần, đóng đúp 01 lần cho bà S số tiền là 18.660.000đồng.

Tổng cộng bà S còn nợ của bà N số tiền nợ hụi là 39.460.000đồng.

\* Bà Dương Thị Ngọc H có tham gia 02 dây hụi:

1. Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 05/8/2013 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 30 phần, bà vào 01 phần, đóng được 26 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 1.150.000đồng, số tiền đã đóng là 29.900.000 đồng.

2. Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 30/3/2014 âm lịch, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 kỳ, bà vào 01 phần, đóng được 21 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 1.150.000 đồng, số tiền đã đóng là 24.150.000đồng.

Tổng cộng bà S còn nợ của bà H số tiền nợ hụi là 54.050.000 đồng nhưng hiện tại bà H chỉ yêu cầu trả cho bà số tiền là 46.250.000 đồng.

\* Bà Phan Thị Ánh H có tham gia 03 dây hụi:

1. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 10/6/2014 âm lịch, mỗi tháng mở 02 kỳ, gồm có 34 phần, bà vào 01 phần, đóng được 32 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 600.000 đồng, số tiền đã đóng là 19.200.000 đồng.

2. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 05/8/2013 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 30 phần, bà vào 02 phần, đóng được 27 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 1.400.000 đồng, số tiền đã đóng là 75.600.000đồng.

3. Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 15/10/2014 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 24 phần, bà vào 01 phần, đóng được 21 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 3.500.000 đồng, số tiền đã đóng là 73.500.000 đồng.

Tổng cộng bà S còn nợ của bà H số tiền nợ hụi là 168.300.000 nhưng hiện tại bà H chỉ yêu cầu trả số tiền 152.000.000 đồng.

\* Bà Dương Thị T có tham gia 04 dây hụi:

1. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 10/11/2013 dương lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 30 phần, bà vào 04 phần, đóng được 26 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 675.000đồng, số tiền đã đóng là 70.200.000đồng.

2. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 10/3/2014 dương lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 30 phần, bà vào 04 phần, đóng được 22 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 675.000đồng, số tiền đã đóng là 59.400.000đồng.

3. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 20/4/2015 dương lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 30 phần, bà vào 02 phần, đóng được 07 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 675.000đồng, số tiền đã đóng là 9.450.000đồng.

4. Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 15/5/2015 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 30 phần, bà vào 02 phần, đã đóng được 07 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 1.400.000đồng, số tiền đã đóng là 19.600.000đồng.

Tổng cộng bà S còn nợ của bà T số tiền nợ hụi là 158.650.000 đồng nhưng hiện tại bà chỉ yêu cầu trả số tiền 150.000.000 đồng.

\* Bà Dương Thị B có tham gia 06 dây hụi:

1. Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 30/3/2014 âm lịch, gồm có 28 phần, mỗi tháng mở 01 kỳ, bà vào 03 phần, đóng được 21 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 1.150.000 đồng, số tiền đã đóng là 72.450.000 đồng.

2. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 10/11/2013 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 31 phần, bà vào 03 phần, đóng được 25 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 700.000 đồng, số tiền đã đóng là 52.500.000 đồng.

3. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 10/3/2014 dương lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 28 phần, bà vào 02 phần, đóng được 22 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 700.000đồng, số tiền đã đóng là 30.800.000 đồng.

4. Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 15/3/2015 dương lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm 31 phần, bà B vào 01 phần, đóng được 09 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 1.400.000 đồng, số tiền đã đóng là 12.600.000 đồng.

5. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 10/01/2015 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm 31 phần, bà vào 01 phần, đã đóng được 10 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 600.000 đồng, số tiền đã đóng là 6.000.000 đồng.

6. Dây hụi 5.000.000đồng/tháng, hụi mở ngày 10/12/2014 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm 25 phần, bà vào 01 phần, đóng được 11 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 3.500.000đồng, số tiền đã đóng là 38.500.000đồng.

Tổng cộng bà S còn nợ của bà B số tiền nợ hui là 212.850.000 đồng.

\* Bà Trương Thị Đ có tham gia 01 dây hui:

Dây hui 5.000.000đồng/tháng, hui mở ngày 15/02/2014 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm 24 phần, bà vào 01 phần, đóng được 22 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 3.500.000 đồng, số tiền đã đóng là 77.000.000 đồng, bà S còn nợ của bà Đ số tiền nợ hui là 77.000.000 đồng

\* Bà Trần Lệ T có tham gia 05 dây hui:

1. Dây hui 1.000.000đồng/tháng, hui mở ngày 10/11/2013 dương lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 28 phần, bà vào 01 phần, đóng được 15 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 700.000 đồng, số tiền đã đóng là 10.500.000 đồng.

2. Dây hui 2.000.000đồng/tháng, hui mở ngày 30/3/2014 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 30 phần, bà vào 02 phần, đóng được 20 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 1.200.000đồng, số tiền đã đóng là 48.000.000đồng.

3. Dây hui 5.000.000đồng/tháng, hui mở ngày 15/01/2014 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 24 phần, bà vào 01 phần, đóng được 22 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 3.500.000 đồng, số tiền đã đóng là 77.000.000đồng.

4. Dây hui 1.000.000đồng/tháng, hui mở ngày 20/02/2014 dương lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 28 phần, bà vào 01 phần, đã đóng được 22 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 700.000đồng, số tiền đã đóng là 15.400.000đồng.

5. Dây hui 1.000.000đồng/tháng, hui mở ngày 10/11/2013 âm lịch, mỗi tháng mở 01 kỳ, gồm có 26 phần, bà vào 02 phần, đã đóng được 25 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền là 700.000đồng, số tiền đã đóng là 35.000.000 đồng, hui đã mãn nhưng bà chỉ yêu cầu bà S trả cho bà là 35.000.000đồng

Tổng cộng bà S còn nợ của bà T số tiền nợ hui là 185.900.000đồng, bà T có thiếu bà S số tiền hui chết là 6.000.000đồng, sau khi khấu trừ thì bà S còn nợ bà T số tiền 179.900.000đồng.

Ngày 25/10/2015 âm lịch, bà S bị vỡ hui, các nguyên đơn được biết bà S dùng số tiền hưởng hoa H từ việc làm chủ hui để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, chồng của bà S là ông Nguyễn Văn N có chở bà S đi gom hui, những lúc khai hui, bà S không có nhà thì ông N đứng ra khai hui.

Nay các nguyên đơn bà Đặng Thị N, bà Dương Thị Ngọc H, bà Phan Thị Ánh H, bà Dương Thị T, bà Dương Thị B, bà Trương Thị Đ, bà Trần Lệ T yêu cầu bà S cùng chồng là ông Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà N số tiền nợ hui là 39.460.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; trả cho bà H số tiền nợ hui là 46.250.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; trả cho bà H số tiền nợ hui là 152.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; trả cho bà T số tiền nợ hui là 150.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi; trả cho bà B số tiền nợ hui là 212.850.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; trả cho bà Đ số tiền nợ hui là 77.000.000 đồng; trả cho bà T số tiền nợ hui là 179.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày tại bản tự khai ngày 27/12/2017 như sau: Bà Đặng Thị N, bà Dương Thị Ngọc H, bà Phan Thị Ánh H, bà Dương Thị T, bà Dương Thị B, bà Trương Thị Đ, bà Trần Lệ T đều là hội viên có tham gia chơi hội do bà làm chủ hội và bà có nợ tiền hội như sau: Bà có nợ của bà N số tiền nợ hội là 39.460.000 đồng, nợ của bà H số tiền nợ hội là 54.050.000 đồng, nợ của bà H số tiền nợ hội là 168.300.000 đồng, nợ của bà T số tiền nợ hội là 158.650.000 đồng, nợ của bà B số tiền nợ hội là 212.850.000 đồng, nợ của bà Đ số tiền nợ hội là 77.000.000 đồng, nợ của bà T số tiền nợ hội là 179.900.000 đồng. Do bà bị vỡ hội nên bà không có tiền trả nợ hội cho các nguyên đơn, nguyên nhân vỡ hội là do hội viên không đóng hội chết, mục đích làm chủ hội của bà là lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, bà làm chủ hội từ năm 1998, lúc đầu làm hội nhỏ từ 20.000 đồng - 50.000 đồng/tháng thì chồng của bà là ông Nguyễn Văn N có biết. Cách nay khoảng 03 năm, bà bắt đầu làm chủ hội với số tiền lớn, ông N có ngăn cản nhưng bà vẫn làm, ông N không có tham gia T tiền hội cũng như khai hội.

Bà S đồng ý trả nợ hội theo yêu cầu của các nguyên đơn cụ thể trả cho bà N số tiền nợ hội là 39.460.000 đồng, trả cho bà H số tiền nợ hội là 46.250.000 đồng, trả cho bà H số tiền nợ hội là 152.000.000 đồng, trả cho bà T số tiền nợ hội là 150.000.000 đồng, trả cho bà B số tiền nợ hội là 212.850.000 đồng, trả cho bà Đ số tiền nợ hội là 77.000.000 đồng, trả cho bà T số tiền nợ hội là 179.900.000 đồng nhưng bà tự chịu trách nhiệm trả nợ hội còn chồng của bà là ông N không có liên quan.

Bà S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không đến Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn bà Nguyễn Thị S có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bà S, ông N.

#### **[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:**

Bà Đặng Thị N, bà Dương Thị Ngọc H, bà Phan Thị Ánh H, bà Dương Thị T, bà Dương Thị B, bà Trương Thị Đ và bà Trần Lệ T khởi kiện bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N là vụ kiện “Tranh chấp nợ hội” Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[3] Về nội dung:**

Tại phiên tòa các nguyên đơn bà Đặng Thị N yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền nợ hui là 39.460.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; bà Dương Thị Ngọc H yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ hui là 46.250.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; bà Phan Thị Ánh H yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ hui là 152.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; bà Dương Thị T yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ hui là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; bà Dương Thị B yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà B số tiền nợ hui là 212.850.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; bà Trương Thị Đ yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ số tiền nợ hui là 77.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; bà Trần Lệ T yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ hui là 179.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[4] Tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị S ngày 27/12/2017, bà S thừa nhận có nợ tiền hui của các nguyên đơn và đồng ý trả nợ hui theo yêu cầu của các nguyên đơn nên yêu cầu của các nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét thấy, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng với nhau, việc bà S có thời gian làm chủ hui từ năm 1998 đến ngày 25/10/2015 mới vỡ hui, đây là khoảng thời gian rất dài, bà S cũng thừa nhận nguồn tiền có được từ việc làm chủ hui bà S dùng để lo chi phí cho gia đình. Mặc dù bà S cho rằng ông N không có liên quan nhưng đối với số nợ hui mà bà S có nợ của bà N, bà H, bà H, bà T, bà B, bà Đ, bà T có trong thời kỳ hôn nhân nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà S và ông N. Do đó, việc bà H, bà H, bà T, bà B, bà Đ, bà T yêu cầu bà S và ông N có trách nhiệm liên đới trả nợ hui cho bà H, bà H, bà T, bà B, bà Đ, bà T là có căn cứ. Do đó, áp dụng Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc ông N phải có trách nhiệm liên đới cùng bà S trả nợ hui cho bà N số tiền nợ hui là 39.460.000 đồng, trả cho bà H số tiền nợ hui là 46.250.000 đồng, trả cho bà H số tiền nợ hui là 152.000.000 đồng, trả cho bà T số tiền nợ hui là 150.000.000 đồng, trả cho bà B số tiền nợ hui là 212.850.000 đồng, trả cho bà Đ số tiền nợ hui là 77.000.000 đồng, trả cho bà T số tiền nợ hui là 179.900.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đặng Thị N, bà Dương Thị Ngọc H, bà Phan Thị Ánh H, bà Dương Thị T, bà Dương Thị B, bà Trương Thị Đ, bà Trần Lệ T khởi kiện bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N về việc “Tranh chấp nợ hui”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới cho bà Đặng Thị N số tiền nợ hui là 39.460.000 đồng, trả cho bà Dương Thị Ngọc H số tiền nợ hui là 46.250.000 đồng, trả cho bà Phan Thị Ánh H số tiền nợ hui là 152.000.000 đồng, trả cho bà Dương Thị T số tiền nợ hui là 150.000.000 đồng, trả cho bà Dương Thị B số tiền nợ hui là 212.850.000 đồng, trả cho bà Trương Thị Đ số tiền nợ hui là 77.000.000 đồng, trả cho bà Trần Lệ T số tiền nợ hui là 179.900.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N liên đới nộp 37.724.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị N được hoàn lại 986.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000495 ngày 08/11/2017; bà Dương Thị Ngọc H được hoàn lại 1.164.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000494 ngày 08/11/2017; bà Phan Thị Ánh H được hoàn lại 3.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000496 ngày 08/11/2017; bà Dương Thị T được hoàn lại 3.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000498 ngày 08/11/2017; bà Dương Thị B được hoàn lại 5.853.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000497 ngày 08/11/2017; bà Trương Thị Đ được hoàn lại 2.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000499 ngày 08/11/2017; bà Trần Lệ T được hoàn lại 5.065.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000493 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo:

Các nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Út**